

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
1. Thông tin về doanh nghiệp	2
2. Báo cáo của Giám đốc	3
3. Báo cáo của kiểm toán viên	4
4. Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 - DN)	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 - DN)	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 - DN)	10 - 11
7. Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 - DN)	12 - 27

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC**  
**THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**

---

**Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh**

Giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 5 số 0304263392 ngày 17 tháng 09 năm 2012.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đầu tiên số 4103004521 ngày 27 tháng 03 năm 2006 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp có thời hạn hoạt động là 50 năm.

**Hội đồng quản trị**

Ông Hồ Quyết Thắng	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Việt Ánh	Ủy viên
Ông Nguyễn Duy Thiệp	Ủy viên
Ông Đặng Minh Khôi	Ủy viên
Ông Đinh Hoài Minh	Ủy viên, Giám đốc

**Ban kiểm soát**

Ông Nguyễn Ngọc Nam	Trưởng ban
Ông Nguyễn Xuân Lộc	Thành viên
Ông Hồ Hoàng Đức	Thành viên

**Ban Điều hành**

Ông Đinh Hoài Minh	Giám đốc
Ông Lê Phước Hậu	Phó Giám đốc
Ông Trần Hoàng Long	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Minh	Kế toán trưởng

**Người đại diện theo pháp luật**

Ông Đinh Hoài Minh	Giám đốc
--------------------	----------

**Trụ sở chính**

Số 03 đường Hoa Đào, phường 2, quận Phú Nhuận, Tp Hồ Chí Minh

**Hoạt động chính của Công ty**

Mua bán cà phê, nông lâm thủy sản (không gây ô nhiễm môi trường), thiết bị, vật tư, nguyên vật liệu và phân bón; Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô; Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu; Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng đường thủy nội địa qua biên giới Việt Nam; Kinh doanh kho bãi; Mua bán nhớt, mỡ; Đại lý kinh doanh xăng dầu; Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng ô tô - đường thủy nội địa; Dịch vụ đại lý vận tải đường biển; Đại lý bảo hiểm; Môi giới thương mại; Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn Rồng Việt (VDAC).

### **TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hằng năm thể hiện một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và ước lượng một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở thực hiện đầy đủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở doanh nghiệp hoạt động liên tục.

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại mọi thời điểm và đảm bảo rằng các báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai quy định khác.

### **PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Theo ý kiến của Giám đốc, Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm của năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được soạn thảo trung thực và hợp lý, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan tại nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2013*



**ĐINH HOÀI MINH**  
**GIÁM ĐỐC**

Số: 14.2013/VDAC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Giám đốc  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính đính kèm của CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC (“Công ty”) bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo từ trang 5 đến trang 27 đã được Giám đốc phê duyệt ngày 31 tháng 01 năm 2012.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán nhằm đảm bảo một cách hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và những ước tính quan trọng của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã cung cấp những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến kiểm toán.

### Ý kiến của Kiểm toán viên.

Theo ý kiến chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định khác có liên quan tại Việt Nam.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2013



Lê Xuân Vinh – Tổng Giám đốc

Chứng chỉ KTV số: 1208/KTV

Lưu Hoài Nam – Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số: 0972/KTV

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Mẫu số B 01 - DN

(Đơn vị tính: VND)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>193.571.894.113</b>	<b>247.756.730.595</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>32.461.834.143</b>	<b>10.087.376.967</b>
1. Tiền	111		28.461.834.143	10.087.376.967
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.000.000.000	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>71.622.205.211</b>	<b>173.892.412.701</b>
1. Phải thu của khách hàng	131	V.02	61.084.901.872	126.651.691.762
2. Trả trước cho người bán	132	V.03	17.582.229.028	46.577.032.139
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.04	60.419.000	663.688.800
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.05	(7.105.344.689)	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.06</b>	<b>73.690.582.096</b>	<b>52.668.812.772</b>
1. Hàng tồn kho	141		73.690.582.096	52.668.812.772
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>15.797.272.663</b>	<b>11.108.128.155</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		29.643.408	159.249.260
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		15.666.322.650	10.685.758.771
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		101.306.605	263.120.124
<b>B. Tài sản dài hạn</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>35.598.622.706</b>	<b>29.078.173.595</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	<b>299.146.604</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	1.204.622.208
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	(905.475.604)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>26.674.180.306</b>	<b>19.854.584.591</b>
<b>1. Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>221</b>	<b>V.07a</b>	<b>5.199.529.524</b>	<b>3.493.386.591</b>
- Nguyên giá	222		14.345.696.856	12.042.495.856
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.146.167.332)	(8.549.109.265)
<b>2. Tài sản cố định thuê tài chính</b>	<b>224</b>		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Mẫu số B 01 - DN

(Đơn vị tính: VND)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>3. Tài sản cố định vô hình</b>	<b>227</b>	<b>V.07b</b>	<b>18.261.198.000</b>	<b>16.361.198.000</b>
- Nguyên giá	228		18.261.198.000	16.361.198.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>230</b>	<b>V.07c</b>	<b>3.213.452.782</b>	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>8.924.442.400</b>	<b>8.924.442.400</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.08	8.924.442.400	8.924.442.400
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>Tổng cộng tài sản (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>229.170.516.819</b>	<b>276.834.904.190</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh báo cáo tài chính

**Mẫu số B 01 - DN**

(Đơn vị tính: VND)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. Nợ phải trả (300 = 310+330)</b>	<b>300</b>		<b>182.639.021.657</b>	<b>225.789.976.675</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>182.639.021.657</b>	<b>225.742.752.675</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.09	132.275.162.000	98.793.658.400
2. Phải trả người bán	312	V.10	44.401.280.077	118.401.040.981
3. Người mua trả tiền trước	313		4.265.470	1.953.593.269
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	1.099.287.305	4.268.825.520
5. Phải trả người lao động	315		1.468.949.610	1.535.061.342
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.12	424.090.472	291.784.940
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.13	2.965.986.723	498.788.223
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>47.224.000</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	47.224.000
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B. Vốn chủ sở hữu (400 = 410+430)</b>	<b>400</b>		<b>46.531.495.162</b>	<b>51.044.927.515</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.15</b>	<b>46.531.495.162</b>	<b>51.044.927.515</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.14.15	30.000.000.000	30.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.15	-	43.162.345
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.15	9.914.693.492	5.514.693.492
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.15	3.000.000.000	3.000.000.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.15	3.616.801.670	12.487.071.678
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>229.170.516.819</b>	<b>276.834.904.190</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Mẫu số B 01 - DN

(Đơn vị tính: VND)

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
➤ Dollar Mỹ (USD)		1.259.095,31	391.260,12
➤ Euro (EUR)		268,14	276,73
➤ Dollar Singapore (SGD)		263,56	279,61
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2013

**ĐÌNH HOÀI MINH**  
GIÁM ĐỐC**NGUYỄN DUY MINH**  
KẾ TOÁN TRƯỞNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC****BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh báo cáo tài chính

**Mẫu số B 02 - DN**

(Đơn vị tính: VND)

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.929.929.884.658	2.075.515.458.814
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>V.16</b>	<b>1.929.929.884.658</b>	<b>2.075.515.458.814</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	V.17	1.872.473.821.868	2.051.050.523.879
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>57.456.062.790</b>	<b>24.464.934.935</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.18	6.755.835.994	46.415.704.510
7. Chi phí tài chính	22	V.19	11.905.129.433	24.260.073.960
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.699.188.845	8.615.335.924
8. Chi phí bán hàng	24	V.20	33.546.487.895	23.864.465.255
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V.21	12.210.457.781	6.811.411.305
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}</b>	<b>30</b>		<b>6.549.823.675</b>	<b>15.944.688.925</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.22	1.902.839.142	917.031.860
12. Chi phí khác	32	VI.23	1.190.344.759	19.330.903
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>712.494.383</b>	<b>897.700.957</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>7.262.318.058</b>	<b>16.842.389.882</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.24	1.563.804.515	4.077.488.572
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>5.698.513.543</b>	<b>12.764.901.310</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.25	1.899,50	4.254,97

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2013



ĐINH HOÀI MINH  
GIÁM ĐỐC

NGUYỄN DUY MINH  
KẾ TOÁN TRƯỞNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp giá trị tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh báo cáo tài chính

**Mẫu số B 03 - DN**

(Đơn vị tính: VND)

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		7.262.318.058	16.842.389.882
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		597.058.067	790.216.817
- Các khoản dự phòng	03	"	6.499.334.496	905.475.604
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	(22.129.884)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.049.262.023)	(1.468.186.322)
- Chi phí lãi vay	06		9.699.188.845	8.615.335.924
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		23.008.637.443	25.663.102.021
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		91.251.269.238	(22.906.007.214)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(21.021.769.324)	(8.249.042.960)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(72.774.434.526)	(33.850.634.765)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		129.605.852	9.973.699
- Tiền lãi vay đã trả	13		(9.699.188.845)	(8.615.335.924)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(5.421.828.607)	(1.774.607.312)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	1.706.046.696
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(5.668.783.551)	(2.407.843.650)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(196.492.320)</b>	<b>(50.424.349.409)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(8.286.794.313)	(16.388.069.807)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		870.140.531	13.958.339
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24		-	-
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.049.262.023	1.468.186.322
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(6.367.391.759)</b>	<b>(14.905.925.146)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở	31		-	-
- Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32		-	-
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		840.959.986.788	522.431.065.103
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(807.478.483.188)	(455.477.406.703)
- Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.500.000.000)	(4.500.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>28.981.503.600</b>	<b>62.453.658.400</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ** (theo phương pháp gián tiếp) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh báo cáo tài chính

**Mẫu số B 03 - DN**

(Đơn vị tính: VND)

Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		22.417.619.521	(2.876.616.155)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	10.087.376.967	12.969.739.938
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(43.162.345)	(5.746.816)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	32.461.834.143	10.087.376.967

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2013



**ĐINH HOÀI MINH**  
**GIÁM ĐỐC**

**NGUYỄN DUY MINH**  
**KẾ TOÁN TRƯỞNG**